

XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU - Bí quyết thành công trong nhập công nghệ của NIEs và Trung Quốc

TS Hoàng Xuân Long

Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN

Nhập công nghệ diễn ra ở khắp các nước đang phát triển, nhưng kết quả và sự phát huy tác dụng lại không giống nhau. Thực tế đã nổi lên một số điển hình nhờ nhập công nghệ mà phát triển mạnh mẽ về kinh tế, khoa học và công nghệ (KH&CN) như NIEs¹ và Trung Quốc (sau đây gọi tắt là các điển hình). Nhìn lại kinh nghiệm của các điển hình sẽ cho chúng ta nhiều bài học có ý nghĩa.

Những kết quả nổi bật từ nhập công nghệ của NIEs và Trung Quốc

Những kết quả và sự phát huy của nhập công nghệ trong công nghiệp hoá ở các điển hình thực sự gây ấn tượng. Trong giai đoạn công nghiệp hóa của mình từ năm 1962 đến 1985, Hàn Quốc đã sử dụng 3.538 giấy phép nhập khẩu công nghệ cho các sản phẩm chế tạo lớn². Từ năm 1953 đến 1984, Đài Loan đã sử dụng 51.521 giấy phép công nghệ². Nhập khẩu công nghệ của Trung Quốc từng được đẩy mạnh nhằm phục vụ hiện đại hoá giai đoạn 1979-1990, nước này đã chi 17 tỷ USD cho hơn 7.000 hạng mục công nghệ nhập khẩu; ngoài ra, các địa phương của Trung Quốc cũng đã chi 13 tỷ USD để mua hơn 10.000 hạng mục công nghệ nhập khẩu³.

Công nghệ nhập đã mang lại nhiều lợi ích cho các nền kinh tế.

¹Viết tắt của các nền kinh tế bao gồm Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore.

²Bùi Sĩ Tiếu: "Phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế", Tạp chí Cộng sản, số 7.2007.

³The Role of Technological Development in China's Industrialization and Economic Growth, www.gwu.edu, 2/2002; Chinese Civil Law Forum, 30.1.2007.

Việc nâng cao sức cạnh tranh kinh tế thông qua chuyển giao công nghệ đã thể hiện rõ ở nhiều khía cạnh nổi bật. Đóng góp vào tăng trưởng kinh tế được biểu hiện cụ thể như: tổng đầu tư cho các hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Hàn Quốc tăng từ 322,8 triệu USD năm 1985 lên 1.719,8 triệu USD năm 1994, và GDP bình quân đầu người giai đoạn 1985-1994 tăng tương ứng khoảng 4 lần (từ 2.368 USD/người lên 9.525 USD/người). Tổng đầu tư vào công nghệ nhập khẩu của Trung Quốc tăng gần 23% trong giai đoạn 1985-1995 và tổng trị giá sản lượng công nghiệp tăng từ 971,6 tỷ NDT năm 1985 lên 9,2 nghìn tỷ NDT năm 1995, tức là tăng 10%/năm trong vòng 10 năm - nền kinh tế Trung Quốc đã tăng trưởng từ chỗ GDP đạt 896 tỷ NDT năm 1985 lên 5,8 nghìn tỷ NDT năm 1995, nếu tính theo giá hiện nay tốc độ tăng đạt xấp xỉ 15%.

Công nghệ nhập góp phần phát triển các ngành nghề mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại. Ở các điển hình, nhập khẩu công nghệ đã dẫn đến việc tạo nên các ngành công

ngành mới có khả năng cạnh tranh như ngành điện tử tiêu dùng với các mặt hàng xuất khẩu được coi là mang tính cạnh tranh hàng đầu thế giới.

Cùng với phát triển kinh tế, công nghệ nhập cũng góp phần quan trọng vào phát triển năng lực nội sinh về KH&CN. Thực chất phát triển mạnh mẽ về KH&CN của NIEs và Trung Quốc là phối hợp giữa nguồn lực bên ngoài và nội lực trong nước. Nhập công nghệ đã đóng vai trò như là cầu nối cho sự phối hợp này.

Có thể khẳng định, ảnh hưởng rộng rãi và mạnh mẽ từ nhập công nghệ đến nền kinh tế và KH&CN đã giúp các điển hình phát triển vượt trội so với các nước đang phát triển khác và rút ngắn khoảng cách tụt hậu với các nước đi đầu.

Mục tiêu nhập công nghệ của NIEs và Trung Quốc

Có thể có nhiều nguyên nhân tạo nên thành công của các điển hình, trong đó nổi bật là tác động từ mục tiêu nhập công nghệ.

Ở Hàn Quốc, mục tiêu nhập công nghệ được nhấn mạnh

vào quan điểm mang tính dài hạn, việc du nhập công nghệ không phải là nâng cao cơ sở kỹ thuật mà là đẩy mạnh hệ thống sản xuất, tăng sức cạnh tranh về giá cả, linh hoạt với những thay đổi ngắn hạn của thị trường. Mục tiêu nhập công nghệ của Đài Loan nhằm vào phục vụ chính sách phát triển kinh tế với những lựa chọn chiến lược thích nghi, tập trung cho phát triển công nghiệp bán dẫn và công nghệ thông tin. Với Singapore, chuyển giao công nghệ từ bên ngoài vào được xác định là để nâng cao năng suất chất lượng và khả năng cạnh tranh của toàn nền kinh tế nói chung và khu vực doanh nghiệp nói riêng, chứ không phải chỉ là giành vị thế về công nghệ. Một trong những mục tiêu dẫn dắt nhập công nghệ của Trung Quốc là có được vũ khí từ bên ngoài để cạnh tranh với thiên hạ. Điều này từng được nêu ra từ khá sớm. Khẩu hiệu “Sự di truyền kỹ di chế di” của “Ngụy Nguyên” (Học hỏi những công nghệ tiên tiến của đối phương để chế áp đối phương) là tư tưởng chủ đạo của các phong trào như “Phong trào Dương Vụ” diễn ra cách đây hơn một thế kỷ khi đứng trước nguy cơ thôn tính của phương Tây... Ngày nay, các nhà lãnh đạo Trung Quốc thường khẳng định rằng, quan hệ với bên ngoài là một phần tích hợp trong tham vọng chuyển hóa kinh tế và khoa học của Trung Quốc. Điểm mấu chốt của chính sách đổi mới sáng tạo của Trung Quốc không phải là sự tự cung tự cấp công nghệ mà là sự chú trọng sắc bén vào sự hình thành các mối tương tác với nước ngoài để phục vụ cho các mục tiêu đổi mới quốc gia.

Những nét riêng trong mục



Một gian hàng công nghệ của doanh nghiệp Hàn Quốc tại Entech Hanoi 2015 (ảnh: T.H)

tiêu nhập công nghệ của các điển hình là:

- Đích đạt tới của nhập công nghệ được mở rộng hơn. Mối quan hệ giữa nhập công nghệ và phát triển đất nước nói chung được chú ý ở nhiều nước. Tuy nhiên, mệnh đề “nhập công nghệ có vai trò, ý nghĩa quan trọng đối với phát triển đất nước” ở các nơi lại được thay thế bằng mệnh đề “phát triển đất nước là định hướng mục tiêu của nhập công nghệ” tại các điển hình.

- Mục tiêu phục vụ phát triển đất nước của nhập công nghệ được tập trung vào những nội dung/khía cạnh cụ thể. Đó là những nội dung/khía cạnh được lựa chọn kỹ lưỡng và có khả năng phát huy cao nhất tác dụng của công nghệ nhập.

- Mối quan hệ giữa mục tiêu gần và riêng (số lượng - thể loại - trình độ công nghệ nhập, mức độ sử dụng hiệu quả công nghệ nhập, mức độ cải tiến và sáng tạo công nghệ nhập) với mục tiêu xa và chung (tác động đến phát

triển kinh tế nói chung và KH&CN nói riêng, tới thay đổi vị thế trong chuyển giao công nghệ với bên ngoài) không phải là sau khi đạt được loại mục tiêu thứ nhất ở mức độ cao mới đặt ra loại mục tiêu thứ hai. Trái lại, tầm xa và chung có tác dụng dẫn dắt tầm gần và riêng.

- Mục tiêu không chỉ giới hạn ở sự cố gắng du nhập những công nghệ được tạo ra từ bên ngoài mà còn học hỏi, làm chủ cách làm ra công nghệ và cách sử dụng công nghệ để tạo nên sức mạnh cạnh tranh.

- Thu hút ngoại lực và phát huy nội lực đều là những mong muốn của các nước đang phát triển, nhưng giữa chúng dễ nảy sinh những mâu thuẫn. Các trường hợp điển hình đã chủ động đương đầu và tìm ra cách thức giải quyết mâu thuẫn. Điều này có liên quan tới mục tiêu nhập công nghệ. Chẳng hạn, một quan điểm mang tính mấu chốt của Chính phủ Singapore trong chính sách phát triển KH&CN là không

tách rời giữa “năng lực công nghệ nội sinh” và “năng lực công nghệ ngoại nhập”. “Năng lực công nghệ nội sinh” ở đây được hiểu là năng lực công nghệ của bản thân nền KH&CN Singapore; “năng lực công nghệ ngoại nhập” là năng lực công nghệ được thu hút từ bên ngoài (từ các công ty đa quốc gia, thu hút các chuyên gia giỏi từ các nước khác, cả các nước đang phát triển như Ấn Độ, Trung Quốc, Malaixia...). Chính phủ Singapore cho rằng, “năng lực nội sinh” và “năng lực ngoại nhập” cần phải được kết hợp để tạo ra một “năng lực công nghệ” thống nhất. Cách thức là phải thu hút nguồn lực công nghệ từ bên ngoài để từng bước xây dựng năng lực công nghệ trong nước và chủ trương lợi dụng sức mạnh của các công ty đa quốc gia để làm đòn bẩy phát triển KH&CN.

- Quyết định sự phát triển của các nền kinh tế đang phát triển là chuyển đổi về chất từ sản xuất dựa trên lao động đông và rẻ sang sản xuất dựa trên công nghệ cao. Thành công của các điển hình chính là thực hiện được điều này. Người ta thường nói NIEs và Trung Quốc kết hợp giữa lao động rẻ và công nghệ cao, nhưng thực ra họ đã đạt được sự phát triển liên tục từ thâm dụng lao động sang thâm dụng kỹ thuật. Các nước đang phát triển thường có lao động đông và rẻ. Nhiều nước coi điều kiện về lao động là “lợi thế”, “thế mạnh” có thể khai thác và chỉ khi mất đi “lợi thế”, “thế mạnh” này mới tìm đến phương thức sản xuất khác... Với NIEs và Trung Quốc lại khác, cùng với coi học hỏi bên ngoài là phương tiện để sáng tạo công nghệ của mình, họ chỉ coi lao động đông và rẻ là cơ sở, bàn đạp để tích lũy các điều kiện cho

sự phát triển dựa trên công nghệ cao. Sản xuất dựa trên công nghệ cao đến sớm và tồn tại song hành với sản xuất dựa trên lao động đông và rẻ, thậm chí có thể nói phát triển dựa trên công nghệ cao bắt nguồn từ phát triển dựa trên lao động đông và rẻ.

Như vậy, không phải đơn thuần là nối dài mục tiêu, là đặt thêm mục tiêu gián tiếp bên cạnh mục tiêu trực tiếp... Từ kinh nghiệm của các điển hình có thể thấy khả năng thống nhất các kỳ vọng tầm gần và tầm xa, kỳ vọng ở góc độ riêng và góc độ chung về nhập công nghệ; kết hợp lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài với mục tiêu cơ bản của việc nhập công nghệ là xúc tiến việc hình thành và phát triển nhanh chóng năng lực nội sinh. Có thể ghi nhận ở đây một thông điệp quan trọng: để tích hợp sự phát triển và rút ngắn quãng đường vận động, hãy bắt đầu từ tích hợp các mục tiêu và rút ngắn khoảng cách giữa các mục tiêu. Đồng thời, luận điểm tưởng chừng như hão huyền đã trở thành thực tế: mục tiêu hướng tới của nhập công nghệ không phải là tăng mối quan hệ ràng buộc mà là hướng tới quan hệ bình đẳng, dần thoát khỏi sự phụ thuộc bên ngoài.

Tác động của mục tiêu nhập công nghệ đến hoạt động nhập công nghệ ở NIEs và Trung Quốc

Tại NIEs và Trung Quốc, mục tiêu nhập công nghệ có những tác động cụ thể đến hoạt động nhập công nghệ.

- *Mục tiêu nhập công nghệ quyết định cách thức nhập công nghệ.* Nếu chỉ để sử dụng công nghệ tạo ra hàng hoá truyền thống thì hợp lý nhất vẫn là nhập công nghệ với những quyền sử dụng vừa đủ tối thiểu. Ngược lại,

nỗ lực có được nhiều quyền vượt mức cần thiết sử dụng công nghệ nhập sẽ gây nên những lãng phí. Với mục tiêu như các điển hình, đặt ra yêu cầu tiến hành cách thức nhập công nghệ phù hợp: nhập công nghệ tạo điều kiện cho làm chủ và phát triển công nghệ nhập; làm chủ và phát triển công nghệ nhập tạo điều kiện cho cạnh tranh kinh tế, phát triển nền KH&CN tự chủ...

- *Mở rộng định hướng phục vụ phát triển nền kinh tế, KH&CN của đất nước, làm cho hoạt động nhập công nghệ có nhiều ý nghĩa và thu hút được những quyết tâm cần thiết.* Đó cũng là cơ sở để mở rộng phạm vi và tăng tính chất quyết liệt sự can thiệp của nhà nước thông qua các chính sách nhập công nghệ. Chính phủ Hàn Quốc từng can thiệp vào những hợp đồng chuyển giao công nghệ chính để tăng cường năng lực của người mua trong nước, tối đa hóa sự tham gia của các nhà tư vấn trong nước và giảm giá công nghệ. Chính sách hỗ trợ tài chính cho nhập công nghệ từng được Chính phủ Singapore áp dụng trong thời kỳ những năm 80 trở về trước như: việc nhập khẩu bằng phát minh, sáng chế, bản quyền, các máy móc, thiết bị và nguyên liệu được miễn thuế nhập khẩu; giảm 10% thuế cho các doanh nghiệp mới bắt đầu hoạt động; các doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh theo hướng tự động hoá, áp dụng kỹ thuật hiện đại sẽ được miễn giảm thuế lợi tức, mức cao nhất tới 40% và trong thời hạn lên tới 10 năm. Nhằm hỗ trợ thông tin cho hoạt động nhập công nghệ, cùng với thiết lập một hệ thống các cơ quan đại diện xúc tiến đầu tư và đổi mới công nghệ tại các nước

phát triển (các cơ quan đại diện này trực tiếp xúc tiến, chọn lọc các nhà đầu tư và làm dịch vụ cho các dự án kinh doanh quốc tế của Singapore tại nước ngoài), Chính phủ Singapore còn lập ra các điểm chuyên ngành xúc tiến mua sắm công nghệ, thiết bị, máy móc phục vụ cho việc đổi mới công nghệ của các ngành mũi nhọn trong nền kinh tế.

Trước khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), trong quy định của Trung Quốc có một số yêu cầu áp đặt lên các nhà chuyển giao công nghệ nước ngoài như thời hạn trả tiền bản quyền bị hạn chế, các nghĩa vụ cam kết rất nghiêm ngặt và các thủ tục thông qua về luật pháp khá phức tạp. Đồng thời, trong công tác quản lý vĩ mô, Trung Quốc nỗ lực giải quyết các vấn đề như: nhập khẩu trùng lặp, hạn chế do chưa sử dụng được hết công suất, cơ cấu nhập khẩu bất hợp lý, công nghệ được đưa vào không thống nhất - đồng bộ với nghiên cứu khoa học.

- *Mở rộng mục tiêu nhập công nghệ có ảnh hưởng tăng cường mối quan hệ giữa hoạt động nhập công nghệ với hoạt động tiếp thị, nghiên cứu và triển khai...* Sự phối hợp này sẽ được thúc đẩy và mang lại hiệu quả bởi tính chất gắn kết giữa các phương tiện cùng hướng tới mục tiêu chung.

- *Đặt trong định hướng mục tiêu bao quát hơn, cơ bản hơn sẽ cho phép tìm tòi những cách thức mới về nhập công nghệ.* Nhập công nghệ ở Hàn Quốc dựa vào các kênh không chính thức hơn là các kênh chính thức. Các kênh chuyển giao công nghệ không chính thức đó là quá trình chuẩn bị sản xuất thiết bị gốc (OEM),



thay đổi về mặt kỹ thuật các máy móc nhập khẩu, đào tạo kỹ thuật là một phần trong quá trình nhập khẩu của các nhà máy trao tay. Cách thức này giúp sở hữu công nghệ với chi phí thấp và duy trì khả năng độc lập trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Khác với chỉ quan tâm làm sao có công nghệ mới và thực hiện công nghệ đó, bỏ qua việc xây dựng cơ sở để đảm bảo chất lượng của sản phẩm (tức là cho rằng cứ có công nghệ hiện đại là có chất lượng sản phẩm tốt), Đài Loan ý thức rõ chỉ có xây dựng một “văn hoá chất lượng sản phẩm”, xây dựng một quy trình công nghệ về chất lượng sản phẩm, sản phẩm của họ mới cạnh tranh thực sự có hiệu quả trên thị trường thế giới. Trên thực tế, Đài Loan đã kết hợp tốt giữa thúc đẩy nhập công nghệ và nâng cao chất lượng đạt được do tinh thần và thái độ làm việc của con người dựa theo một quy trình với những công đoạn rất chi tiết, khoa học.

Con đường “thích ứng chuyển đổi” công nghệ nước ngoài của Trung Quốc được thực hiện theo

một chu trình gồm 3 giai đoạn: đầu tiên, thu hút FDI để lắp ráp sản phẩm, gia công theo thiết kế chế tạo gốc; tiếp theo, thông qua các quan hệ liên kết, liên doanh để chuyển sang sản xuất trong nước các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao và vẫn giữ nguyên thương hiệu gốc của các tập đoàn nước ngoài; cuối cùng, tiến tới sản xuất các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao nhờ các liên kết, liên doanh, nhưng do Trung Quốc tự thiết kế và mang thương hiệu riêng của Trung Quốc. Bằng cách đó, Trung Quốc đã trở thành “mô hình” mẫu về “sản xuất hàng nước ngoài ở trong nước” để tiêu thụ ở nước ngoài.

So với các nước đang phát triển khác, những sáng tạo trên không chỉ là sự thay đổi mang tính kỹ thuật mà là cách tiếp cận mới gắn với mục tiêu mới. Nỗ lực đổi mới phương thức nhập công nghệ được thúc đẩy và giới hạn/định hướng bởi nỗ lực xác định mục tiêu cơ bản và đích thực của chuyển giao công nghệ.

- *Từ kết quả phát triển kinh tế và KH&CN sẽ bổ sung nguồn lực*

cho nhập công nghệ và cải thiện vị thế trong giao dịch công nghệ với bên ngoài. Mỗi quan hệ với phát triển kinh tế và KH&CN thể hiện rõ hiệu quả của nhập công nghệ. Hiệu quả cao sẽ là cơ sở để tăng phần ưu tiên nguồn lực cho nhập công nghệ.

Nguồn kinh phí tập trung dành cho hoạt động nhập công nghệ, làm chủ công nghệ nhập và cải tiến, sáng tạo công nghệ cần rất nhiều và không ngừng tăng lên. Để đảm bảo nguồn lực này, vấn đề không chỉ là có được lượng lớn ngoại tệ mà còn cần sự đồng thuận trong đầu tư cho mua công nghệ. Kinh nghiệm cho thấy, cách tối ưu là sử dụng số ngoại tệ thu về thông qua việc đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa được tạo ra từ công nghệ nhập. Chẳng hạn, theo số liệu thống kê của Bộ Thương mại Trung Quốc, đã có một sự gia tăng mạnh về nhập khẩu công nghệ trong giai đoạn Kế hoạch 5 năm lần thứ 10 (2001-2005). Trị giá nhập khẩu công nghệ đạt 70 tỷ USD trong vòng 5 năm, chiếm gần 1/3 tổng trị giá nhập khẩu công nghệ kể từ khi Trung Quốc bắt đầu cải cách và mở cửa nền kinh tế trong những năm 1980⁴. Tuy nhiên, nhập khẩu công nghệ chỉ chiếm một phần nhỏ bé, nếu so với trị giá xuất khẩu các sản phẩm công nghệ cao (vốn một phần đáng kể nhờ vào nhập khẩu công nghệ) của nước này. Trung Quốc còn thu được ngoại tệ từ cả xuất khẩu công nghệ. Kim ngạch xuất khẩu công nghệ của Trung Quốc tăng rất nhanh: năm 1989 là 880 triệu USD, năm 1990 là

990 triệu USD, năm 1991 là 1,28 tỷ USD, năm 1993 là 2,17 tỷ USD, năm 2003 là khoảng 5 tỷ USD⁵...

Thường tồn tại vòng luẩn quẩn: vị thế yếu và nguồn lực yếu → nhập công nghệ hạn chế → phát triển kinh tế và KH&CN chậm → vị thế yếu và nguồn lực yếu. Các trường hợp điển hình đã thoát khỏi vòng luẩn quẩn này nhờ những bước tiến cơ bản dựa trên cách xác định mục tiêu mang tính tổng quát và dài hạn. Mấu chốt thành công ở đây là tập trung vào cải thiện vị thế trong quan hệ với bên ngoài (đặc biệt nhờ có được công nghệ nội sinh) và tăng nguồn lực dành cho nhập công nghệ và làm chủ công nghệ nhập.

Tóm lại, mục tiêu về nhập công nghệ ở các điển hình không dừng lại là những khẩu hiệu mà đã trở thành định hướng cho hành động cụ thể, là phương châm hành động của những chủ thể có liên quan tới nhập khẩu công nghệ, đặc biệt là các doanh nghiệp. Mục tiêu nhập công nghệ vừa là động lực thúc đẩy, vừa là định hướng lôi kéo góp phần vào thành công của hoạt động nhập công nghệ.

*

* *

Kinh nghiệm của NIEs và Trung Quốc có ý nghĩa đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Theo đó, những khuyến cáo như không thể hy vọng nhiều vào chuyển giao công nghệ qua FDI, cần cảnh giác với chuyển giao công nghệ từ bên ngoài vào Việt Nam... có thể

phần nào phản ánh thực tế vừa qua nhưng mới là biểu hiện bề ngoài. Những hạn chế hiện nay trong nhập khẩu công nghệ vào nước ta cần được nhấn mạnh ở những vấn đề cơ bản như: thiếu các định hướng chiến lược về nhập công nghệ khả dĩ mang lại sự chủ động và phục vụ hiệu quả cho phát triển chung của nền kinh tế và nền KH&CN của đất nước; thiếu những tác động mạnh mẽ từ phát triển kinh tế và KH&CN vào cải thiện vị thế của phía Việt Nam trong trao đổi công nghệ với bên ngoài; thiếu kết nối giữa tầm nhìn ngắn hạn và dài hạn, riêng và chung trong nhập công nghệ; thiếu sự thiết kế rõ ràng về mối quan hệ giữa kỳ vọng, mục tiêu, giải pháp chính sách về nhập công nghệ. Nếu không sớm có các thay đổi mang tính đột phá, nhập công nghệ không thể phát huy được vai trò quan trọng của mình trong cuộc chiến rút ngắn khoảng cách tụt hậu của nước ta với các nước phát triển.

Để giải quyết các vấn đề đặt ra, cùng với khai thác bài học từ NIEs và Trung Quốc, chúng ta cũng cần phát huy kinh nghiệm của chính mình trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đó là: phối hợp khôn khéo giữa kỹ thuật với chiến thuật và chiến lược; kết hợp sáng tạo giữa phần vũ khí, khí tài được hỗ trợ từ bên ngoài với ý chí và bản lĩnh của con người Việt Nam; liên tục tạo nên thế và lực mới để dẫn tiến tới thắng lợi cuối cùng ✍

⁴The Role of Technological Development in China's Industrialization and Economic Growth, www.gwu.edu, 2.2002; Chinese Civil Law Forum, 30.1.2007.

⁵Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia: Tổng luận khoa học - công nghệ - kinh tế "Kinh nghiệm quốc tế trong việc thúc đẩy quá trình tiếp nhận và chuyển giao công nghệ", số 3.2005, trang 27.